

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2023/ DS-ST
Ngày: 04 -4 -2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và ông Nguyễn Hữu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 588/2022/TLST-DS ngày 10/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 2 năm 2023 và Quyết định hoãn số 38/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ: Lầu 8, số 266- 268 đường N, phường V, quận x, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V – Chức vụ Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Lắk

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang Tr

Địa chỉ: 130 – 132 đường L, phường N, thành phố B, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương D

Địa chỉ: 105 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 12/03/2020 bà Nguyễn Thị Phương D có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng thẻ số thẻ 472074 – 6204 với lãi suất thỏa thuận là 2,6%/ tháng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Căn cứ mức thu nhập của bà D, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Phương D đã nhiều lần thực hiện các giao dịch nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 22/08/2021. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà D không có thiện chí trả nợ. Do bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện đề nghị bà D có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cụ thể:

Tổng số tiền giao dịch là 62.815.091 đồng, số tiền bà D đã thanh toán là 40.978.000 đồng. Dư nợ chuyển quá hạn là 33.647.030 đồng. Nợ lãi quá hạn đến ngày 21/11/2022 là 19.945.896 đồng. Tổng số tiền bà D phải trả tạm tính đến ngày 21/11/2022 là 53.592.926 đồng. Ngoài ra bà D còn phải chịu lãi suất kể từ ngày 22/11/2022 cho đến khi trả xong nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.**

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:**

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 53.592.926 đồng, tính đến ngày 21/11/2022 và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 22/11/2022 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong giấy cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập cho bà D nhiều lần nhưng bà D vẫn vắng mặt và không có

ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội D vụ án:

Ngày 12/03/2020 Ngân hàng T (gọi tắt là ngân hàng) có thỏa thuận ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với bà Nguyễn Thị Phương D với hạn mức là 30.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 40.978.000 đồng (theo bảng tóm tắt sao kê). Đến ngày 22/6/2021 bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 14/11/2022 Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo cho bà D đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nhưng bà D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Do đó, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Phương D trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà Ngân hàng giao nộp cho Tòa án so với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Phương D trong Tờ khai chứng minh nhân dân. Tại Kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 11/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết mang tên Nguyễn Thị Phương D dưới mục chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính trên tài liệu cần giám định kí hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Phương D trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M do cùng một người viết ra.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương D phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 21/11/2022 là 53.592.926 đồng (trong đó: Dư nợ chuyển quá hạn: 33.647.030 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.945.896 đồng); và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất trong giấy cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ của ngân hàng mà các bên đã ký kết là phù hợp theo Điều 466 Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác; cụ thể án phí dân sự sơ thẩm là: 53.592.926 đồng $\times 5\% = 2.680.000$ đồng. (làm tròn)

Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 4.200.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký. Ngân hàng T được nhận lại 4.200.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, sau khi thu được từ bà Nguyễn Thị Phương D.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.270.000 đồng do Ngân hàng T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0021826 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2, khoản 3 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 292, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 53.592.926 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi hai ngàn chín trăm hai mươi sáu đồng*) tính đến ngày 21/11/2022 (trong đó: Dư nợ gốc chuyển quá hạn: 33.647.030 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.945.896 đồng); và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 22/11/2022 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong giấy cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/03/2020 và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ của ngân hàng mà các bên đã ký kết.

* Về chi phí tố tụng

Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký. Ngân hàng T được nhận lại 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) sau khi thu được từ bà Nguyễn Thị Phương D.

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu **2.680.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.270.000 đồng (*Một triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng*) do Ngân hàng T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0021826 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc

